

**Văn thơ Nôm giảng bút
với việc kêu gọi lòng yêu nước và chấn hưng văn hoá dân tộc
cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX**

Thạc sĩ Nguyễn Xuân Diện
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

TÓM TẮT

1. Giảng bút là hiện tượng *shaman* trong văn hoá Việt Nam, thực hiện nghi lễ cầu cúng để mong muốn có sự phán truyền dạy dỗ của thần linh thông qua văn tự (Hán Nôm). Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện đang lưu trữ 254 tài liệu là thơ văn giảng bút (226 bản in, 28 bản viết tay). Trong đó cuốn có niên đại sớm nhất – năm 1825 – là bản Ac.408, được in tại đền Hà Khẩu, huyện Thọ Xương, nay là di tích Việt Đông hội quán, số nhà 22 Hàng Buồm, Hà Nội. Về niên đại xuất hiện nhiều bản giảng bút nhất là các năm 1870–1898 và 1906–1911. Thế nhưng, Phạm Đình Hồ (1768–1839), một danh sĩ, nhà khảo cứu xuất sắc thời cuối Lê đầu Nguyễn, trong bản gia phả ***Đường An Đan Loan Phạm gia thế phả*** (A.909) có thuật chuyện ông ngoại của mình như sau: “Cụ Tham nghị Anh Đoán có thuật bói tiên, cụ thường lấy cành đào làm thành hình mỏ hạc treo lên một cần trúc, lấy một cái sọt tre đựng đầy ắp cát sạch, đặt cần trúc bên cạnh rồi đốt bùa đọc phép, cái mỏ hạc tự nhiên chuyển động, vạch thành chữ trên cát”. Lời thuật của Phạm Đình Hồ rõ ràng cho biết ông ngoại của ông là người thực hiện nghi lễ giảng bút cầu văn tự. Qua đây cho thấy, chúng ta vẫn có thể tìm thấy các văn bản giảng bút có niên đại sớm hơn năm 1825 là bản xưa nhất có trong thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Các cơ sở ấn loát văn thơ giảng bút chính là các Thiện đàn (theo thống kê của chúng tôi là có tới 99 địa điểm) nằm trong các chùa chiền, đền miếu trong khắp các tỉnh ở châu thổ Bắc bộ. Việc in ấn các thơ văn giảng bút Kết quả là thơ văn giảng bút đã được nhân dân đón nhận và tạo thành một phong trào rộng khắp.

2. Với nội dung kêu gọi yêu nước và chấn hưng văn hóa dân tộc, hướng đến đông đảo quần chúng lao động, văn thơ giảng bút đã chọn hình thức chữ Nôm và các thể thơ ca dân gian (lục bát, song thất lục bát, phong dao, xẩm, ngụ ngôn,...) để thuận lợi cho việc lưu hành. Những nhà chí sĩ, trí thức yêu nước như Hoàng giáp Nguyễn Thượng Hiền, Tiến sĩ Đặng Kim Toán, Kỳ Đồng,... đã là tác giả của thơ văn giảng bút, mượn lời các vị anh hùng liệt nữ, các vị thần tiên, các vị tiên nho của Việt Nam để khuyến thiện, kêu gọi lòng yêu nước, đề cao dân trí, bài bác hủ tục, đề cao phụ nữ.

3. Các vấn đề thuộc về diễn đạt như: việc sử dụng chữ Nôm, sử dụng ngôn ngữ dân gian giàu hình ảnh, các điển tích, huyền tích kỳ thú trong tín ngưỡng dân gian Việt tạo cho các tác phẩm giảng bút (còn gọi là kinh giảng bút) được dễ dàng phổ cập và trở thành sinh hoạt tín ngưỡng / vận động yêu nước rất phổ biến và mạnh mẽ trên khắp các tỉnh thuộc châu thổ Bắc bộ.

4. Ảnh hưởng của thơ văn giảng bút và các hoạt động của các Hội Hướng thiện trở nên rất sâu rộng, được đông đảo các trí thức, các nhà chí sĩ, các nhà khoa bảng tham gia và góp phần tích cực. Một số nhà khoa bảng danh tiếng như Nguyễn Thượng Hiền, Vũ Tông Phan đã tích cực cổ vũ cho phong trào yêu nước, thậm chí Vũ Tông Phan còn nhận làm Hội trưởng Hội Hướng Thiện và có công lao biến Đền Ngọc Sơn thành một trung tâm in ấn, phát hành, tuyên truyền của Hà Nội và nhiều tỉnh lân cận. Kết quả là Đền Ngọc Sơn đã in ấn được hàng 241 cuốn / bộ sách Hán Nôm có liên quan đến nhiều lĩnh vực khác nhau như: tôn giáo, tín ngưỡng.

5. Tóm lại: Thơ văn giảng bút viết bằng chữ Nôm là một khu vực văn học và văn hóa còn ít được chú ý nghiên cứu vì nhiều lý do khác nhau. Trữ lượng của mảng tài liệu này khá lớn, và đặc biệt có giá trị khi nghiên cứu văn hoá tâm linh, nghiên cứu về các phong trào yêu nước hồi cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Ở bài viết lần này chúng tôi đi thêm một bước trong việc nghiên cứu mảng tài liệu Nôm quan trọng so với các nghiên cứu đã công bố trước đây trong Hội nghị Thông báo Hán Nôm học năm 2000.

Hà Nội ngày 23.3.2004

**Văn thơ Nôm giảng bút
với việc kêu gọi lòng yêu nước và chấn hưng văn hoá dân tộc
cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX**

Thạc sĩ Nguyễn Xuân Diện
Viện Nghiên cứu Hán Nôm

Hội nghị Quốc tế về chữ Nôm
Ngày 12-13 tháng 11 năm 2004
Thư viện Quốc gia Việt Nam – Hà Nội

Trong khi nghiên cứu các nghi lễ của người Việt ở châu thổ Bắc bộ thời trước, có một không gian nghi lễ khá đặc biệt rất đáng để ý là thiện đàn. Ở đây diễn ra một hình thức sinh hoạt văn hóa tâm linh độc đáo là giảng bút – một hiện tượng văn hoá tâm linh có thực trong xã hội Việt Nam nói riêng và là một hiện tượng *shaman* có tính phổ quát trên thế giới. Song vì nhiều lý do, giới nghiên cứu đã coi đó là một vùng cấm và không dành cho nó một sự quan tâm thích đáng để hiểu hơn về hiện tượng này, ngoại trừ hai học giả là Nguyễn Văn Huyền (*Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam*, in năm 1944) và Đào Duy Anh (25 trang về giảng bút in trong *Hội ký Nhớ nghĩ chiều hôm*, in năm 1989). Mãi tới gần đây, mới có một số nhà nghiên cứu đề cập đến chuyện này, nhưng nhìn chung là chưa có hệ thống và chưa vượt qua được bài nghiên cứu của Đào Duy Anh (Xem các bài viết về giảng bút trong *Danh mục tài liệu tham khảo chính* ở cuối bài viết này).

Giảng bút là hiện tượng *shaman* trong đó thực hiện nghi lễ cầu cúng để mong muốn có sự phán truyền dạy dỗ của thần linh thông qua văn tự (Hán Nôm). Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm hiện đang lưu trữ 254 tài liệu là thơ văn giảng bút (trong đó có 226 bản in và 28 bản viết tay). Chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thống kê, gửi kèm với tham luận này. Tài liệu có niên đại sớm nhất – năm 1825 – là bản Ac.408, được in tại đền Hà Khẩu, huyện Thọ Xương, nay là di tích Việt Đông hội quán, số nhà 22 Hàng Buồm, Hà Nội. Về niên đại xuất hiện nhiều bản giảng bút nhất là các năm 1870–1898 và 1906–1911.

Năm 1825 là niên đại của tài liệu sớm nhất hiện biết trong kho sách Hán Nôm. Thế nhưng, Phạm Đình Hồ (1768–1839), một danh sĩ, nhà khảo cứu nổi tiếng thời cuối Lê đầu Nguyễn, trong bản gia phả *Đường An Đan Loan Phạm gia thế phả* (A.909) có thuật chuyện ông ngoại của mình như sau: “Cụ Tham nghị Anh Đoán có thuật bói tiên, cụ thường lấy cành đào làm thành hình mỏ hạc treo lên một cần trúc, lấy một cái sọt tre đựng đầy ấp cát sạch, đặt cần trúc bên cạnh rồi đốt bùa đọc phép, cái mỏ hạc tự nhiên chuyển động, vạch thành chữ trên cát”. Lời thuật của Tùng Niên Phạm Đình Hồ rõ ràng cho biết ông ngoại của ông là người thực hiện nghi lễ giảng bút cầu văn tự. Qua đây cho thấy, chúng ta có thể vẫn tìm thấy các văn bản giảng bút có niên đại sớm hơn năm 1825 là bản xưa nhất có trong thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm.

Nhằm góp phần cung cấp tư liệu cho các nhà nghiên cứu, tham luận này sẽ cung cấp những danh mục tài liệu giảng bút hiện đang lưu trữ tại thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm cùng những nhận xét, nghiên cứu ban đầu của chúng tôi về thiện đàn và giảng bút.

1. Bối cảnh chính trị văn hoá xã hội Việt Nam thời Nguyễn

Học giả Việt Nam đầu tiên quan tâm đến giáng bút có lẽ là Lê Quý Đôn. Trong khi đi sứ nhà Thanh (Trung Quốc) ông đã quan tâm tìm hiểu, sưu tầm được sách *Âm chất văn chú*. Năm 1839 *Âm chất văn chú* được khắc in theo bản cũ do Lê Quý Đôn mang về từ Trung Quốc. Sách dày chừng 350 trang in. Nhưng bản *Âm chất văn chú* in năm 1839 không phải là bản in giáng bút sớm nhất mà ta thấy được trong kho sách Hán Nôm.

Ngay từ năm 1825, tại đền Hà Khẩu, huyện Thọ Xương (Hà Nội) đã tổ chức khắc in bộ sách *Quan Phu tử kinh huấn hợp khắc* (AC.408), 150 trang in. Sách này chép lời giáng bút của Quan Thánh đế quân (Quan Phu tử, Quan Vân Trường).

Suốt nửa cuối thế kỷ XIX, đã có nhiều Thiện đàn được mở ra ở hầu khắp các tỉnh ở Bắc bộ: Hà Nội, Nam Định, Hà Đông, Sơn Tây, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Bình, Thái Nguyên, Hải Phòng, Ninh Bình, Hưng Yên, Phúc Yên,...

Tìm hiểu văn giáng bút, chúng ta thấy một thực tế rằng: nội dung và hình thức thơ ca giáng bút càng về sau càng khác lúc ban đầu. Thời gian đầu là giáng bút của các vị thần của Đạo giáo Trung Quốc như Văn Xương Đế quân, Quan Thánh Đế quân... Các bài thơ văn giáng bút này được in trong một quyển sách và chúng không phải là văn bản có được sau một cuộc giáng bút cầu văn tại Việt Nam. Hay nói khác đi, nó chỉ như một cuốn danh ngôn mà những người tu đạo tâm niệm. Nội dung, do vậy mang tính chung chung. Văn giáng bút ở đây đều bằng chữ Hán, được diễn đạt bằng thơ luật. Về sau, do yêu cầu mới của đời sống xã hội, thơ giáng bút đã thay đổi. Các vị thần linh giáng bút không chỉ là có nguồn gốc Trung Quốc nữa, mà còn có các tiên nho liệt thánh Việt Nam, như Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Trưng Vương, Liễu Hạnh, v.v. Thơ do yêu cầu phải đến với quảng đại quần chúng nên đã có nhiều thơ lục bát, song thất lục bát. Văn giáng bút cũng phần nhiều không dùng chữ Hán mà dùng chữ Nôm. Các bản sách văn giáng bút cũng được sưu tập ngay từ đàn giáng bút và đưa đi khắc in ngay.

Có tình hình ấy là do bối cảnh chính trị, xã hội Việt Nam đã có nhiều thay đổi. Ví dụ như khi các sĩ phu Hà thành lập ra hội Hướng Thiện, do Tiến sĩ Vũ Tông Phan làm Hội trưởng thì mục tiêu đặt ra khá khiêm tốn: Hướng mọi người vào làm việc thiện, xây dựng một lối sống tốt đẹp, theo chuẩn mực của truyền thống. Về sau, hội Hướng Thiện mở mang thêm các hoạt động văn hoá như: tu sửa tôn tạo di tích đền Ngọc Sơn...

Thực trạng kinh tế, xã hội Việt Nam từ khi Gia Long lên ngôi đến khi Tự Đức cắt ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ cho Pháp tuy đang trong giai đoạn xây dựng kiến thiết nhưng đã dần được củng cố. Việt Nam là một nước độc lập, thống nhất và phát triển có đường hướng. Triều đình Tự Đức sau nhiều “khự nự” đã hoàn toàn bất lực trước sự lấn lướt của Thực dân Pháp và sự “đe dọa” của văn minh phương Tây. Trong triều đình ấy, nội bộ cũng đã có sự phân hóa, chia ra làm hai phái rõ rệt: Chủ chiến và chủ hòa. Vua Tự Đức thì ở phái chủ hòa. Một quan chức trong triều là Dương Khuê dâng sớ đề nghị đánh Pháp. Vua đã phê vào sớ: “Bất thức thời vụ”, và đây ông đi sơn phòng, trông nom việc khai khẩn ở miền sơn cước.

Chỉ sau khi Tự Đức băng, thì phái chủ chiến trong đám quần thần mới dần trở nên chiếm ưu thế, bởi được vua Hàm Nghi và một trọng thần quyền thế là Trương Đăng Quế làm hậu thuẫn. Năm 1885 phong trào Cần Vương được phát động chính thức và phát triển sâu rộng khắp Trung kỳ, Bắc kỳ.

Phong trào Cần Vương đi vào suy thoái bằng sự thất bại của cuộc khởi nghĩa Hương Sơn do nhà sĩ phu khoa bảng Phan Đình Phùng làm thủ lĩnh.

Từ năm 1897, là năm thất bại của khởi nghĩa Hương Sơn, nhiều nơi trong đất nước đã từng có những cuộc khởi nghĩa hay nổi dậy lẻ tẻ. Đòi hỏi của lịch sử về cứu nước, giành lại giang sơn tổ quốc trở nên cấp bách hơn bao giờ hết.

Thơ văn yêu nước thời kỳ này nhằm đến một quần chúng nhân dân đông đảo. Và để phù hợp với việc kêu gọi lòng yêu nước và tự hào dân tộc, các hình thức diễn đạt quen thuộc với đông đảo bình dân được lựa chọn. Thơ lục bát và song thất lục bát được ưa dùng. Những lối nói ẩn dụ về nòi giống, tổ quốc, giang sơn ... giàu sức biểu cảm được dùng phổ biến trong các lời văn giáng bút. Các sinh hoạt văn hoá, văn nghệ trong dân gian có lồng ghép thêm những nội dung mới, nhằm thức tỉnh lòng yêu nước.

Trong các sinh hoạt văn hoá, văn nghệ dân gian, thì kê đàn giáng bút là một hoạt động tín ngưỡng đặc biệt. Ở đó con người giao tiếp với thế giới của Thánh - Thần - Tiên - Phật qua một người có biệt năng. Người này sẽ chuyển các thông điệp bằng văn thơ có nội dung khuyên bảo, răn dạy, kêu gọi của Thánh, Thần cho con người trên cõi trần gian. Hơn nữa giáng bút lại là một hoạt động tín ngưỡng ngưng kết nhiều thành tố đặc sắc của văn hoá dân gian như: thơ ca dân gian, múa dân gian, nghi thức tín ngưỡng... Tham gia vào giáng bút là tham gia vào tín ngưỡng, tham gia vào sáng tạo văn hoá văn nghệ dân gian nhằm tiếp xúc với một tiên giới trong tâm tưởng.

Cũng chính vì hoạt động giáng bút là một hoạt động mang tính tổng hợp như vậy nên đã thoả mãn được nhiều giai tầng công chúng cho dù là các nhà khoa bảng, học hành đỗ đạt cao, nhà nho ở nông thôn, cho đến tầng lớp tiêu thương nơi phố thị, nông dân chôn quê mùa. Sức sống của giáng bút cũng ở đây. Và sức sống của việc tuyên truyền yêu nước cũng ở đây. Nó nương vào tôn giáo, tín ngưỡng, nương vào công xã nông thôn để hoạt động và thúc giục quần chúng.

Thực dân Pháp thực sự hoang mang và bối rối khi phải xử trí với tình hình nở rộ của các Thiện đàn và các hoạt động giáng bút ở khắp nơi. Không tìm được chứng cứ khả dĩ kết tội, đàn áp, thực dân Pháp đã mất ăn mất ngủ với các hoạt động nửa tôn giáo, nửa cách mạng đang lan tràn và phát huy tác dụng và thanh thế ở khắp nơi.

Tại Văn Hiến đường, xã Hạ Mỗ (huyện Đan Phượng, Hà Tây), năm 1930 tay sai đã về tịch thu các ván in và bộ sách *Cổ kim truyền lục* đã được in ấn và đang được lưu hành ở đây.

Gs Đào Duy Anh, trong bài *Tìm hiểu phong trào Thiện đàn đối với cuộc vận động ái quốc - Kinh Đạo Nam* dài 25 trang in trong tập hồi ký *Nhớ nghĩ chiều hôm* (Nxb Trẻ, 1989) có cho biết:

“Ông Nguyễn Ngọc Tinh kể lại rằng trong thời gian giáng bút và ấn hành bản kinh này thì Lý trưởng và Phó lý xã Hạc Châu sợ liên lụy nên đã báo cáo cho quan lại sở tại. Chính quyền thực dân giao cho Bùi Bằng Đoàn bấy giờ làm Tri phủ Xuân Trường điều tra. Bùi Bằng Đoàn cho vợ có sai nha đi theo đến đàn để thử, viết một tờ sớ bỏ vào phong bì kín. Hàng ngày khách thập phương qua lại để lễ và xin kinh rất đông, nhiều người sang trọng, cho nên chẳng ai để ý đến đó là bà phủ Xuân Trường. Theo lệ thì người đến lễ đặt phong bì kín lên bàn thờ, Thánh phải giáng bút chỉ tên người ấy, có đúng thì người ta mới tin. Thánh bèn giáng bút cho ngay một câu thơ rằng:

*Côn được thiên trùng thương hải ngoại;
Bằng Đoàn vạn lý tử tiêu gian.*

Thế là chỉ rõ tên Bùi Bằng Đoàn ra bằng một câu thơ, mà các nhà Nho học giỏi đều nhận là rất hay, bình thường khó có người tức tịch làm ra được, huống chi người cầm kè đây là người sức học cũng tầm thường.

Bùi Bằng Đoàn do đó tin là có tiên thánh giáng bút thực, báo cáo lên tỉnh rằng đó là việc tôn giáo thực chứ không phải là hoạt động chính trị như hương lý báo. Sau đó án sát Nam Định là Mai Toàn Xuân cũng cho vợ đến lễ để đặt phong bì kín và thử như thế. Bùi Bằng Đoàn là người Nho học có tiếng cho nên được giáng bút một câu thơ chữ. Mai Toàn Xuân xuất thân là bồi Tây nên ít học, chỉ được giáng bút một câu thơ Nôm, nhưng cũng vạch rõ cả ba chữ họ tên như vẽ ra:

*Đầu cành Mai mới điểm hoa;
Non sông bốn bể đâu mà chẳng Xuân ?*

Sau đó tỉnh báo cáo lên Thống sứ rằng đây chỉ là một hoạt động tôn giáo, không nên ngăn cấm. Vì thế mà bản kinh in xong vào mùa Đông năm 1923 được phát hành ở Bắc kỳ, rồi sau đó được phát hành bằng quốc ngữ ở Nam kỳ. Các mùa Hè năm 1924, 1925, 1926 ông Nguyễn Ngọc Tỉnh đều được Đồng Lạc Khuyến Thiện đàn ở Nam Định mời đến giảng kinh Đạo Nam cho tín đồ của đàn ấy nghe. Nhưng đến năm 1929, trong cuộc đàn áp đối với các đảng bí mật tiến hành ở khắp bắc kỳ, chính quyền mới soát nhà mà tịch thu tất cả bản kinh còn lại và các tấm ván in để huỷ đi và bắt đàn chủ là ông Nguyễn Đức Kinh và chủ bút là ông Nguyễn Ngọc Tỉnh làm án giám.” (Sđd tr.200-224)

Như vậy là, các Thiện đàn trong suốt quá trình hoạt động của mình luôn gặp phải sự dò xét của thực dân Pháp và quan lại phong kiến Nam triều. Có một thực tế là chính nhờ vào hình thức giáng bút, như một hoạt động mê tín dị đoan, các bài hát bài thơ yêu nước thương nòi và nặng lòng với văn hoá dân tộc đã được lưu truyền. Các thành viên của các phong trào yêu nước đấu tranh cách mạng cũng nhờ đó mà thoát khỏi sự rình rập và đàn áp của kẻ thù.

2. Thiện đàn

2.1 Những thiện đàn có in ấn và lưu truyền thơ văn giáng bút

Dựa và các tài liệu như: *Hồi ký* của Gs Đào Duy Anh, các bản sách thơ văn giáng bút hiện còn tại thư viện Hán Nôm và một số tài liệu ghi chép điền dã, chúng tôi cung cấp một danh sách các thiện đàn có in ấn và lưu truyền thơ văn giáng bút. Thiện đàn là nơi giảng thiện, tuyên truyền yêu nước, một cơ sở tôn giáo tâm linh, nhưng cũng chính là cơ sở ẩn loát thơ văn giáng bút. Xem Phụ lục 2.

2.2 Thiện đàn với cuộc vận động ái quốc

Vận động ái quốc, trước hết các nhà yêu nước kêu gọi lòng thương yêu của những người cùng nòi giống, mà ở đây cụ thể là giống da vàng con Lạc cháu Hồng cùng chung một bọc. Các thiện đàn thường tổ chức các buổi giảng kinh, các bản kinh này thường là có được sau khi xin được của một vị thần thánh nào đó. Thời gian đầu các vị thánh giáng bút thường là các danh thần võ tướng các thần linh của thần điện Trung Quốc, song càng về sau các vị thần giáng đàn lại là các vị danh thần võ tướng các thần linh trong thần điện Việt Nam như Tản Viên Sơn Thánh, Liễu Hạnh Công chúa, Phùng Khắc Khoan, Tô Hiến Thành, Bà Triệu, Hai Bà Trưng, các Thánh Mẫu,...

Những năm đầu thế kỷ này, trước tình hình bị giặc Pháp đàn áp nặng nề, một số cơ sở vận động yêu nước tại Hà Nội và các đô thị phải chuyển về vùng nông thôn phụ cận. Một trong những cơ sở có hoạt động mạnh là Văn Hiến đường ở làng Hạ Mỗ, xã Hạ Mỗ, huyện Đan Phượng (Hà Tây). Văn Hiến đường hoàn thành vào mùa xuân năm Kỷ Dậu (1909), là nơi thờ Thái úy Tô Hiến Thành và các vị tiên hiền của làng. Thực ra thì trước đó, vào năm 1907, Thiện đàn ở đây đã cho khắc in bộ sách *Cổ kim truyền lục* đề tuyên truyền vận động yêu nước. Bộ sách gồm 4 tập *Nguyên - Hanh - Lợi - Trinh* với gần 400 bài thơ văn, bao gồm nhiều thể loại, viết bằng chữ Hán, do tập thể tác giả đều là người địa phương sáng tác. Văn Hiến đường hiện có đôi câu đối về việc giáng bút và khắc in kinh:

Kinh điển bản tàng Tiên hiền giáng bút thùy kinh điển
Cổ kim truyền lục Vãng thánh di thư diệu cổ kim

(Kinh điển bản khắc Tiên hiền giáng bút còn lưu truyền kinh điển
Cổ kim truyền lục Thánh hiền di cáo sáng cổ kim)

Tại Hạ Mỗ, không chỉ Văn Hiến đường là nơi có giáng bút mà giáng bút còn được tổ chức trong chùa Hải Giác nữa. Và *Cổ kim truyền lục* chính là tập thơ văn được tập hợp sau gần 4 tháng giáng bút. Về cách phát hành thì phát cho mọi nhà, biếu tặng các nơi với mục đích: *Thu lai địa địa, tuyên truyền vạn vũ* (sách đến mọi nơi, tuyên truyền khắp chốn). Văn Hiến đường cũng còn là nơi bốc thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Tháng 4 năm 1996, khi về Hạ Mỗ để lấy tài liệu viết bài cho Hội thảo về danh nhân Tô Hiến Thành, chúng tôi còn thống kê được 14 tên sách / bộ sách Hán Nôm tại Văn Hiến đường: như: *Thiên át chân kinh* (in, Báo Đại 8), *Văn Xương đế quân cứu kiếp bảo sinh kinh* (in, 1911), *Ngọc Hoàng chân kinh* (viết tay), *Ngọc Hoàng phổ độ tôn kinh* (2 bản in, Báo Đại 8), *Liệt thánh bảo cáo* (in), *Ngũ phúc kinh*. Tập Ninh (in), *Tâm pháp thiết yếu chân kinh* (2 bản in, Báo Đại Mậu Thìn), *Bảo huấn hợp thiên* (in, Tự Đức Bình Tý), *Lã Tổ trung hiếu cáo* (in, Thành Thái ất Ty), *Dược sư kinh*,...

Thơ văn giáng bút đã được lưu truyền khá rộng rãi trong nhân dân vùng xứ Đoài. Hình thức lưu truyền quảng bá thơ văn yêu nước trong khuôn khổ của một hình thức của tôn giáo, và nhất là trong bối cảnh xã hội nông thôn Việt Nam trước Cách mạng tháng Tám đã gây ảnh hưởng lớn và có hiệu quả rõ rệt.

2.3 *Thiện đàn với công cuộc chấn hưng văn hóa dân tộc*

Đóng góp của các thiện đàn trong công cuộc chấn hưng văn hoá dân tộc là một đóng góp quan trọng của các thiện đàn. Đóng góp này thể hiện trên hai khía cạnh : Xây dựng, giữ gìn nếp sống văn hoá theo chuẩn mực của truyền thống và Tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá, in ấn các kinh sách.

Xây dựng và giữ gìn nếp sống văn hoá theo chuẩn mực của truyền thống là một yêu cầu của xã hội Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trước hết là sinh hoạt của thị dân ở đô thị. Vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, người Pháp đã đặt xong nền đô hộ lên Bắc Kỳ, Trung Kỳ. Sự phân hóa giai cấp diễn ra nhanh chóng trong toàn bộ xã hội. Luân lý cổ truyền cùng các giá trị đạo đức truyền thống rạn nứt trước sự xâm thực của văn minh phương Tây. Nhiều tỉnh lỵ, huyện lỵ được mọc lên bên cạnh những trục đường giao thông lớn nhỏ, kéo theo quá trình “áo hóa” rất mãnh liệt.

Ở nông thôn bộ máy lý dịch đã trở nên tha hóa. Bức tranh nông thôn Việt Nam trong suốt thời gian hàng thế kỷ là một khoảng tối tăm với một đời sống khổ cực và những áp bức nặng nề của bộ máy cường hào, lý dịch.

Trong tình hình xã hội như vậy việc gióng lên tiếng trống thức tỉnh cách mạng, kêu gọi chấn chỉnh nếp sống theo mẫu mực truyền thống là một công việc có ý nghĩa.

Các thiện đàn đã mọc lên ở khắp mọi nơi và hoạt động khá sôi nổi trong cuộc chấn hưng văn hoá dân tộc. Các buổi giảng thiện được thực hiện đúng theo lịch đã định sẵn, có đông đảo nhân dân tham dự. Việc tu bổ và tôn tạo các di tích được nhiều người hưởng ứng, và rất nhiều văn bia hiện đặt trong các di tích đã ghi lại việc sửa chữa, tôn tạo này.

2.4 Đền Ngọc Sơn - trụ sở Hội Hướng Thiện, cơ sở in ấn tàng bản và công cuộc chấn hưng văn hóa dân tộc

Trong số các thiện đàn đã biết thì đền Ngọc Sơn là một cơ sở tiêu biểu nhất. Đền Ngọc Sơn không những là một cơ sở được thành lập sớm nhất, có đóng góp toàn diện nhất, là một cơ sở in ấn và tàng bản lớn nhất, mà còn có vai trò như là một trung tâm có sức lan toả rất lớn, trong phạm vi khắp cả đông bằng châu thổ bắc bộ, nếu không muốn nói là trong cả miền bắc.

Theo bài văn bia *Ngọc Sơn để quân từ ký* do Tiên sĩ Vũ Tông Phan soạn năm 1843 thì đền Ngọc Sơn do hội Hướng Thiện tạo dựng năm 1842. Ngoài mục đích thờ thần thánh, đây còn là nơi cho “sĩ phu kết bạn với nhau yêu cảnh này, vì mến tên hồ này việc tu dưỡng, du ngoạn, nghỉ ngơi đều có nơi có chốn”.

Từ sự thống nhất trong hội Hướng Thiện, chủ trương chấn hưng văn hoá của Hội được các nhà khoa bảng có uy tín trong hội và khắp Hà thành tán dương và coi là mục đích cao nhất của hội. Việc đầu tiên mà các nhà Nho hướng đến là hướng dẫn cho mọi người tu dưỡng chính bản thân mình, trước hết là ngay là sự chính tâm (ngay thẳng) và ngăn chặn những dục vọng xấu nảy sinh trong ngay chính lòng mình.

Đền Ngọc Sơn đã được biến thành một giảng đàn là nơi mà đều đặn vào các ngày 2 và 16 âm lịch hàng tháng hội tổ chức giảng thiện. Cũng tại đây đã tiến hành các buổi giảng bút để xin những lời dạy của Thánh nhân qua một người trung gian. Các bản kinh in ở đền Ngọc Sơn đại bộ phận đều là các kinh giảng bút bằng chữ Hán, ghi lời giảng bút của các vị thần thánh có nguồn gốc từ Trung Quốc như Quan Thánh Đế Quân, Văn Xương Đế Quân. Tuy nhiên, nội dung lời văn của các bản kinh này lại rất phù hợp với tôn chỉ mục đích của Hội như: Tự giác ngăn ngừa các thói tham lam, độc ác, dâm loạn, gian dối..., khuyên hiếu thảo với cha mẹ, kính trọng người trên, thương kẻ khốn cùng, chuyên cần học tập, chăm chỉ làm ăn...Mượn lời dạy của thần tiên nhưng các bản kinh được in tại đền Ngọc Sơn không hề đưa lại một tinh thần xuất thế, lánh tránh cuộc đời thực mà ngược lại lại rất tích cực. Và có lẽ cũng chính vì thế, các kinh văn giảng bút được in ra ở đây được lưu truyền rất rộng khắp trên nhiều địa phương cho tới tận Cách mạng Tháng Tám 1945.

Một khía cạnh khác trong việc chấn hưng văn hoá dân tộc của hội Hướng Thiện ở đền Ngọc Sơn là tu bổ tôn tạo các di tích lịch sử văn hoá. Tại khu vực xung quanh Hồ Gươm, hội Hướng Thiện đã tôn tạo Trấn Ba đình, trùng tu đền Ngọc Sơn, xây Tháp Bút và Đài Nghiên... Khu vực Hồ Gươm có được khuôn mặt như ngày nay là do những lần tu bổ tôn tạo này. Không những thế, với tình cảm yêu mến Thăng Long, các nhà nho trong hội Hướng Thiện còn sáng tác biết bao áng văn thơ đề vịnh trên những di tích danh thắng Hà Nội.

Nói đến đền Ngọc Sơn, là nhắc đến là một cơ sở in ấn và tàng bản lớn nhất trong suốt khoảng 100 năm (1845–1945). Vậy trong khoảng 100 năm ấy tại đền Ngọc Sơn đã có bao nhiêu bộ sách ra đời và đi vào đời sống xã hội? Mới đây, trên *Tạp chí Hán Nôm* số 1 (2000) có bài của

Vương Thị Hương đề cập đến vấn đề này. Dựa vào hai cuốn sách *Các đẳng kinh bản Ngọc Sơn thiện thư lược sao mục lục* (A.1116), *Cao Vương kinh chú giải* (AC.438) tác giả bài viết cho chúng ta biết danh mục sách Hán Nôm in tại đền Ngọc Sơn gồm 246 tên sách (mỗi tên sách có thể là một bộ với nhiều cuốn) thuộc nhiều môn loại khác nhau như tôn giáo, văn học, sử học,...

Có một điều đáng chú ý là khi chúng tôi khảo sát các sách in kinh giảng bút thì thấy có hiện tượng một số nơi (các thiện đàn) đã mượn ván in kinh giảng bút của đền Ngọc Sơn về in và phát hành.

Như vậy là trong suốt một trăm năm đền Ngọc Sơn đã là một cơ sở in ấn tàng bản lớn của cả vùng châu thổ Bắc bộ, nơi đặt trụ sở của hội Hướng Thiện với các hoạt động thiết thực trong việc chấn hưng văn hoá dân tộc. Cũng chính vì lẽ đó mà cuối năm 1945, Hồ Chủ Tịch đã đến thăm hội Hướng Thiện, trò chuyện với các hội viên của hội và căn dặn: “Các cụ đã cao tuổi mà vẫn còn giảng Thiện cho bà con theo, thế là rất quý. Tôi xin phép gợi thêm vài ý. Tôi nghĩ điều Thiện lớn nhất là yêu nước, yêu dân chủ, điều ác lớn nhất là xâm lược, áp bức. Tôi đề nghị các cụ khi giảng Thiện nên chú ý khuyên đồng bào bảo vệ độc lập, tự do và tăng gia sản xuất, xây dựng dân chủ” (Theo báo *Nhân dân*, 22-8-1990).

3. Giảng bút

3.1 *Thống kê tác phẩm: Xem Phụ lục 1*

3.2 *Nội dung thơ văn giảng bút*

Nội dung thơ văn giảng bút cũng chính là nội dung, mục đích hoạt động của các thiện đàn. Đó là một chương trình tuyên truyền rộng khắp trong suốt thời gian nửa cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX tập trung vào hai vấn đề: *Kêu gọi lòng yêu nước thương nòi và Chấn hưng văn hoá dân tộc*.

3.2.1. *Kêu gọi lòng yêu nước thương nòi*

Đây là một chủ đề lớn của thơ văn giảng bút nói riêng và thơ văn yêu nước cách mạng nói chung.

Trong thơ văn giảng bút, điều này được thể hiện ở những khía cạnh sau:

- Giảng bút lời của các vị anh hùng liệt nữ của dân tộc như: Trần Hưng Đạo, Phạm Ngũ Lão, Hai Bà Trưng, Bà Triệu,...
- Giảng bút lời của các vị thần tiên trong thần điện Việt Nam như: Tản Viên Sơn Thánh, Phù Đổng Thiên Vương, Liễu Hạnh Công chúa, Từ Đạo Hạnh,...
- Giảng bút lời các tiên nho, các nhà văn hoá của Việt Nam như: Tô Hiến Thành, Nguyễn Bình Khiêm, Phùng Khắc Khoan,...

Ngoài ra thơ văn giảng bút còn nhắc nhở thúc giục lòng yêu nước, thương yêu giống nòi, thấy được nỗi nhục của dân mất nước.

3.2.2. *Chấn hưng văn hoá dân tộc, xây dựng nếp sống mới*

Về nội dung này, thường được biểu hiện như sau:

- Đề cao việc nâng cao dân trí
- Bài bác hủ tục
- Đề cao phụ nữ (giảng bút lời Thánh mẫu cho phụ nữ)

- Khuyên sống lương thiện, thương yêu đùm bọc nhau
- In ấn kinh sách về tôn giáo, lịch sử, văn học, ngôn ngữ

3.3. Hình thức và Nghệ thuật thơ ca giảng bút

3.3.1. Hình thức

* Về mặt văn tự

Thơ ca giảng bút chủ yếu viết bằng chữ Nôm – một sáng tạo của người Việt Nam, dùng ký tự Hán để ghi âm Việt nên không gặp trở ngại về mặt văn tự đối với người bình dân nhất là trong việc truyền miệng. Ta biết rằng, trong khi triều đình nhà Nguyễn tổ chức Nhà nước và các thiết chế văn hoá theo Nho giáo rập khuôn nhà Thanh Trung Quốc, thì trong dân gian, tư tưởng và văn chương bình dân lại dường như cũng có một sức sống riêng. Ví dụ rõ nhất là khắp các nơi trong nước hàng loạt các hiệu, đàn, trai, đường, lâu,... đã ra đời làm nở rộ nghề in. Tại các nhà in này, mảng truyện Nôm đặc biệt phát triển so với trước đó. Thời kỳ này ngoài việc tái bản những cuốn cũ còn có thêm nhiều đầu sách mới nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần người dân. Riêng cuốn Phạm Công – Cúc Hoa, từ năm 1907 đến năm 1936, được in cả thảy 15 lần (trong phạm vi cả nước). Đặc biệt là Truyện Kiều được in cả thảy là 32 lần. Trong số 25 lần in có ghi rõ thời gian và nhà tàng bản thì có tới 16 lần được in tại Hà Nội.

Về việc sử dụng chữ Nôm và chữ Hán trong một tài liệu giảng bút, chúng ta ghi nhận một số điều sau: Có cuốn toàn Nôm, có cuốn là Hán xen Nôm. Văn giảng bút chữ Hán thường là giảng bút của các vị thần linh Trung Quốc, hoặc các vị Nho học, hoặc hướng đến đối tượng là người có chữ nghĩa. Văn giảng bút chữ Nôm, ngược lại, thường là giảng bút của các vị thần linh Việt Nam, hoặc là các thánh mẫu, hoặc dành cho đối tượng là đông đảo tầng lớp bình dân. Một vấn đề khác, văn giảng bút chữ Nôm bao giờ cũng có độ dài dài hơn các bài giảng bút bằng chữ Hán. Còn về thể loại, văn giảng bút Nôm thường chọn các thể thơ lục bát hoặc song thất lục bát, hoặc các thể thơ có khả năng diễn đạt phong phú nhiều nội dung.

Thơ văn giảng bút, để đạt được mục tiêu phát hành và tuyên truyền như trong lời nói đầu bộ *Cổ kim truyền lục* là: “Thư lai địa địa, tuyên truyền vạn vũ” (Sách đến mọi nơi, tuyên truyền khắp chốn) thì nhất định phải dùng chữ Nôm.

* Về mặt thể loại

Thơ văn giảng bút nhằm đến nhiều đối tượng khác nhau, với mỗi loại đối tượng đã dùng các thể thơ khác nhau.

Các tài liệu giảng bút thường ghi rất rõ về thời điểm giảng bút (giờ, ngày, tháng, năm) và thậm chí có tài liệu còn ghi rõ bài thơ văn giảng bút này là dành cho ai quê quán ở đâu. Ví dụ trong cuốn *Bản thiện kinh* (AB.355) có ghi tường tận như vậy.

Phù hợp với từng đối tượng, từng nội dung tuyên truyền, về mặt hình thức, đã có các thể thơ sau được dùng: *Phú*, *Thơ luật*, *Lục bát*, *Song thất lục bát*, *Phong dao*, *Hát Xẩm*, *Từ khúc*, *Hát nói* (*Ca trù*), *Gửi thư* (*Ca trù*), *Ngụ ngôn*, *Tiểu thuyết*,...

* Về việc minh họa

Tài liệu giảng bút hiện có trong kho sách của Viện Nghiên cứu Hán Nôm chủ yếu là sách in mộc bản (226 bản in và 254 bản sách, trong đó có một số bản in kèm hình tranh vẽ).

Đồ họa đã có mặt trong ván in sách Đạo giáo muộn nhất cũng là từ thế kỷ XV. Trở lại với các văn bản thơ văn giảng bút hiện có tại Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chúng tôi thấy có nhiều cuốn có các đồ họa. Thiết nghĩ, rồi đây những đồ họa này sẽ trở thành những tài liệu quý báu cho một công trình chuyên khảo về Đồ họa Đạo giáo nói riêng và Nghệ thuật Đạo giáo nói chung.

Kết luận

1. Với 98 Thiện đàn hiện biết tại các địa phương trong hầu khắp các tỉnh miền Bắc là nơi có lưu truyền/sáng tác/ in ấn/ tàng bản kinh văn giảng bút cho thấy sự hoạt động sôi nổi của các Hội Hướng Thiện, Thiện đàn trong khoảng một trăm năm từ 1845 đến 1945.

2. Các Thiện đàn và Hội Hướng Thiện, trong đó tiêu biểu nhất là Hội Hướng Thiện đền Ngọc Sơn đã có những đóng góp lớn trong việc chấn hưng văn hoá dân tộc.

3. Tư liệu về thơ văn giảng bút hiện còn, chỉ tính riêng Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm đã có 165 tên sách, và nếu tính theo đơn vị ký hiệu (mỗi ký hiệu là một bản) thì có 254 đơn vị. Trong số 254 bản sách, chỉ có 28 bản là sách viết tay, số còn lại, gồm 226 đơn vị là bản in. Thống kê theo niên đại cho biết kinh giảng bút được in nhiều vào các khoảng thời gian: từ 1870–1898 và 1906–1911.

4. Nội dung thơ văn giảng bút cũng chính là nội dung, mục đích hoạt động của các Thiện đàn. Đó là một chương trình tuyên truyền rộng khắp trong suốt thời gian nửa cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX tập trung vào hai vấn đề: *Kêu gọi lòng yêu nước thương nòi và Chấn hưng văn hoá dân tộc.*

5. Văn thơ giảng bút càng về sau càng sử dụng nhiều chữ Nôm và các thể thơ ca dân gian để thể hiện các lời dạy dỗ của các thần linh đất Việt. Điều này càng khẳng định chữ Nôm vẫn giữ vai trò nhất định trong khoảng thời gian cuối thế kỷ XIX và nửa đầu thế kỷ XX, trong khuôn khổ các phong trào yêu nước. Trong hoạt động của mình các thiện đàn đã sử dụng thành công chữ Nôm trong việc kêu gọi lòng yêu nước và chấn hưng văn hoá dân tộc.

Nguyễn Xuân Diện

Danh mục tài liệu tham khảo chính

1. *Di sản Hán Nôm thư mục đề yếu*. 3 tập. Gs Trần Nghĩa và Gs Francois Gros đồng chủ biên. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993.
2. Nguyễn Văn Huyền: *Tục thờ cúng thần tiên ở Việt Nam*. In tại Nhà in Viễn Đông, Hà Nội, 1944. In lại trong sách *Góp phần nghiên cứu văn hóa Việt Nam*. Tập II. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1996. Tr. 135 - 250.
3. Đào Duy Anh: *Nhớ nghĩ chiều hôm*. Hồi ký. Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 1989. 282 tr.
4. Nguyễn Thị Nguyệt: *Văn giảng bút của Trạng Trình ở đền thờ các vua Trần tại xã Tức Mặc*. In trong *Thông báo Hán Nôm học năm 1996*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 297-304.

5. Nguyễn Xuân Diện: *Tìm hiểu về Tô Hiến Thành và Văn Hiến đường qua các nguồn thư tịch xưa* (tr.148-162). In trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học: **Danh nhân Tô Hiến Thành cuộc đời và sự nghiệp**. Sở Văn hoá Thông tin Hà Tây xuất bản, 1999, 216 tr.
6. Phan Ngọc: ***Bản sắc văn hoá Việt Nam***. Nxb Văn hoá Thông tin, Hà Nội, 1998, 580 tr.
7. Phạm Đức Duật: *Thơ ca giảng bút và Hồi Thuần chân kinh hạ tập*. In trong **Thông báo Hán Nôm học năm 1997**. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 85-90.
8. Tảo Trang: *Hội Hướng Thiện và đền Ngọc Sơn*. Tạp chí Hán Nôm số 4(33) - 1997, tr. 55-65.
9. Tân Phong: *Thấy gì ở Hạ Mã qua bộ Cổ kim truyền lục*. Tạp chí Tản Viên Sơn (Hội Văn học Nghệ thuật Hà Tây) số 8 + 9 năm 1995, tr. 60-61.
10. Trần Ngọc Thêm: ***Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam (cái nhìn hệ thống - loại hình)***. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1996, 670 tr.
11. Tuấn Nghi - Tảo Trang: *Câu đối, hoành phi và đề tự bằng chữ Hán ở đền Ngọc Sơn*. Tạp chí Hán Nôm số 1(10) - 1991, tr. 69-79.
12. Vũ Bằng Tú: *Về tác phẩm Tô Khê tùy bút tập của Tiến sĩ Vũ Tông Phan*. Luận án Thạc sĩ khoa học Ngữ văn. Hà Nội, 1998, 197 tr.
13. Vũ Đình Ngạn - Triệu Triệu: *Mượn việc "giảng bút" để lưu hành thơ văn yêu nước*. Tạp chí Hán Nôm số 2 (19) - 1994, tr. 65-66.
14. Vũ Thế Khôi: *Hội Hướng Thiện đền Ngọc Sơn với sự nghiệp chấn hưng văn hoá Thăng Long*. Tạp chí Xưa và Nay số 30, tháng 8 - 1996, tr. 28-29.
15. Vương Thị Hương: *Danh mục sách Hán Nôm in tại đền Ngọc Sơn - Hà Nội*. Tạp chí Hán Nôm số 1(42) - 2000, tr. 89-96.
16. Nguyễn Xuân Diện: *Về các tác phẩm thơ văn giảng bút hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm*. In trong tập **Thông báo Hán Nôm học năm 2000**. Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản. Hà Nội, 2001. Trang 96-104.
17. Mai Hồng: *Đôi nét về văn thiện đàn (kinh giảng bút)*. In trong tập **Thông báo Hán Nôm học năm 2002**. Viện Nghiên cứu Hán Nôm xuất bản. Hà Nội 2003. Trang 210-218.

